

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 184/2020/HĐKT-AFCVN

HỢP ĐỒNG SOÁT XÉT VÀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(V/v: Soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020 và Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần)

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 29/03/2011 quy định về kiểm toán độc lập và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13/03/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Thực hiện chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ vào yêu cầu của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần

Hôm nay, ngày 16 tháng 06 năm 2020, chúng tôi gồm có:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người đại diện : Ông HUỖNH ĐỨC TRƯỜNG
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Số 194, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 3930 3299
Fax : (028) 3930 3633
Tài khoản tiền Việt Nam số : 007.100.00.12236
Tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0 3 0 0 6 4 9 4 7 6

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Người đại diện : Bà ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Tòa nhà Indochina Park Tower, Số 04
Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 2 2200 237
Email : dangmyvan@pkf.afcvietnam.vn
Fax : (028) 2 2200 265
Tài khoản tiền Việt Nam số : 007 100 007 8014
Tại Ngân hàng Ngoại Thương TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0 3 0 0 4 4 8 9 9 5

Sau khi bàn bạc và thương lượng, hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các dịch vụ như sau:

- Soát xét báo cáo tài chính lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Bên A, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày.
- Kiểm toán báo cáo tài chính lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Cung cấp thông tin phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo; phối hợp với kiểm toán viên kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) theo đúng quy định tại Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600.

Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính của Bên A.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của bên A

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích soát xét và kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét và kiểm toán.
- (d) Sau khi bên B gửi dự thảo báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán, Bên A trong vòng 15 ngày làm việc sẽ phản hồi ý kiến về các dự thảo này

Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét và kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ soát xét, kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của bên B

Đối với dịch vụ soát xét

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung, kế hoạch soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện công việc.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhằm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

Đối với dịch vụ kiểm toán

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không.

Bên B có trách nhiệm phối hợp với kiểm toán viên kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) theo đúng quy định tại Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600 – Sử dụng tư liệu của kiểm toán viên khác cùng các quy định có liên quan. Đồng thời làm thêm các thủ tục kiểm toán bổ sung (nếu có) liên quan đến công tác công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phục vụ thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL).

Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

Do bản chất và những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ, nên có thể có những rủi ro khó tránh khỏi, ngoài khả năng của kiểm toán viên và công ty kiểm toán trong việc phát hiện hết sai sót.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

Bên B cam kết đảm bảo đúng thời hạn phát hành báo cáo kiểm toán kết thúc năm tài chính và soát xét 6 tháng như kế hoạch thực hiện kiểm toán tại Điều 3.

ĐIỀU 3: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

Bên B dự tính sẽ lập kế hoạch thực hiện kiểm toán/soát xét như sau:

	Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện	Thời gian dự kiến kết thúc
Kế hoạch thực hiện soát xét:		
Quan sát kiểm kê cho giai đoạn 6 tháng 2020	01/07/2020	01/07/2020
Lập kế hoạch và thực hiện các thủ tục soát xét	06/07/2020	25/07/2020
Lập báo cáo soát xét:		
Dự thảo báo cáo soát xét cho báo cáo tài chính riêng và hợp nhất		28/07/2020
Báo cáo soát xét chính thức cho báo cáo tài chính riêng và hợp nhất		31/07/2020
Kế hoạch thực hiện kiểm toán:		
Lập kế hoạch kiểm toán	12/2020	12/2020
Thực hiện các thủ tục kiểm toán sơ bộ	07/12/2020	11/12/2020
Quan sát kiểm kê cuối năm	31/12/2020	01/01/2021
Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm	18/01/2021	05/02/2021
Lập báo cáo:		
Dự thảo báo cáo kiểm toán cho báo cáo tài chính riêng và hợp nhất		08/02/2021

(trong điều kiện bên A phải cung cấp đầy đủ sổ sách kế toán vào ngày 15/01/2021 và cung cấp đầy đủ chứng từ theo yêu cầu của bên B trễ nhất là ngày 08/02/2021)

ĐIỀU 4: BÁO CÁO SOÁT XÉT VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

4.1 Sau khi hoàn tất công việc soát xét và kiểm toán (là thời điểm Bên A đồng ý dự thảo báo cáo hoặc sau 15 ngày làm việc từ khi Bên B gửi dự thảo báo cáo mà Bên A không có ý kiến phản hồi thì nội dung công việc nêu tại Điều 1 được coi như hoàn thành), Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- 11 (mười một) bộ Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 bằng tiếng Việt. Trong đó, Bên A giữ 10 (mười) bộ Bên B giữ 01 (một) bộ.

Báo cáo soát xét sẽ được lập thành văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

- 11 (mười một) bộ báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2020 bằng tiếng Việt. Trong đó, Bên A giữ 10 (mười) bộ Bên B giữ 01 (một) bộ.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Thư quản lý (nếu có) đề cập tới các mặt hạn chế cần khắc phục và ý kiến đề xuất của Kiểm toán viên nhằm cải tiến hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

4.2 Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo soát xét và kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ đính kèm báo cáo soát xét và kiểm toán với tài liệu đó, đồng thời cung cấp cho Bên B 01 (một) bản của tài liệu đó và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phí dịch vụ

	VND
Phí soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính theo VAS	350.000.000
Thuế giá trị gia tăng (10%)	35.000.000
Tổng phí thanh toán	<u>385.000.000</u>

(Bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn)

4.2 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo các đợt như sau:

	VND
Đợt 1: 20% trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng kiểm toán	77.000.000
Đợt 2: 30% khi phát hành báo cáo soát xét 06 tháng đầu năm 2020	115.500.000
Đợt 3: 30% khi bắt đầu thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cuối năm 2020	115.500.000
Đợt 4: 20% khi phát hành báo cáo kiểm toán cuối năm 2020	77.000.000
	<u>385.000.000</u>

4.3 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Bên B phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A theo quy định.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất đồng ý kiến mà thương lượng không có kết quả, vụ việc sẽ được tòa án kinh tế thụ lý và giải quyết. Trong thời gian chờ phán quyết của tòa án, các bên vẫn phải thực hiện đúng các điều đã cam kết trong hợp đồng.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 02 bản tiếng Việt, Bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản, các bản tiếng Việt có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Ths
ĐẠI DIỆN BÊN A

[Handwritten signature]
HUYNH ĐỨC TRƯỜNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Handwritten signature]
ĐẶNG THỊ MỸ VÂN

